TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự

2. Ông Trần Hữu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 4, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Hữu L, sinh năm 1995 ; địa chỉ: Tổ 4, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-02-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, Huyện D,

tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 1 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, tình cảm, vợ chồng xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân. Năm 2020 chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, chị nhận thấy không thể tiếp tục được nữa nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn N A, sinh ngày 04-7-2015. Chị yêu cầu giao con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L tuy vắng mặt Nng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt, là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng:

Quá trình chung sống giữa chị N và anh L xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, tình cảm, vợ chồng xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống nên ly thân từ tháng 01-2020 cho đến nay; quá trình giải quyết vụ án Toà án triệu tập nhiều lần Nng anh L vắng mặt. Xét thấy thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh L.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung là Nguyễn N A, sinh ngày 04-7-2015; thời gian ly thân con chung ở cùng với anh L và chị N có yêu cầu giao con chung cho anh L. Do đó để đảm bảo ổn định tốt cần giao con chung cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; chị N được quyền thăm nom con chung, ghi nhận chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Huỳnh N đối với anh Lê Hữu L.

2. Về con chung:

Giao cho anh Lê Hữu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn N A, sinh ngày 04-7-2015; ghi nhận chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng tính ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi mình.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012178 ngày 16-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị N còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

7. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân H. D;
- Chi cục THADS H. D;
- Ủy ban nhân dân xã S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Huỳnh Châu